

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2018/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An tại Tờ trình số 5116/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh như sau:

1. Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế hoặc Quản lý đô thị (đối với thành phố Vinh, các thị xã), Phòng Kinh tế - Hạ tầng (đối với các huyện) và các phòng, đơn vị liên quan (nếu có) thẩm định đối với trường hợp còn lại”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất ở có vườn, ao.

a) Trường hợp thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận*) thì được xác định theo giấy chứng nhận.

Trường hợp phải xác định lại diện tích đất ở để lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Diện tích đất ở khi xác định lại được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở và đất vườn ao gắn liền với đất ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất;

b) Trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận thì được xác định theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai; Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và quy định của UBND tỉnh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở và đất vườn ao gắn liền với đất ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân

“Thực hiện theo Điều 74 và Điều 79 Luật Đất đai, Điều 6 và Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, trong đó:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cấp Giấy chứng nhận thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng giao 01 lô đất ở tái định cư theo quy hoạch; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được Nhà nước bồi thường bằng tiền.

Trường hợp số tiền bồi thường về đất lớn hơn tiền đất ở tái định cư thì người được giao đất ở tái định cư được nhận phần chênh lệch đó; Trường hợp số tiền bồi thường về đất nhỏ hơn tiền đất ở tái định cư thì người được giao đất ở tái định cư phải nộp phần chênh lệch đó, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì chỉ được bồi thường bằng tiền, không thực hiện bố trí tái định cư. Trường hợp địa phương còn quỹ đất ở, giao UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất ở của địa phương, diện tích đất ở bị thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để xem xét từng trường hợp cụ thể để bồi thường bằng việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế và quỹ đất ở của địa phương.

c) Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất ở, phần diện tích đất còn lại đủ điều kiện để ở (kể cả phần diện tích đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở xin chuyển mục đích sang đất ở) thì chỉ được bồi thường bằng tiền, không bồi thường bằng đất ở.

2. Trường hợp hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng (có tên trong 1 sổ hộ khẩu) cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi mà tại thời điểm thu hồi đất có nhu cầu tách hộ thì được xem xét giao thêm đất ở tái định cư (đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này); giao thêm đất ở (đối với trường hợp chỉ thu hồi một phần diện tích đất ở) nhưng phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở giao thêm; cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì giao UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất tái định cư của địa phương, xem xét từng trường hợp cụ thể để giao đất ở tại khu tái định cư như sau:

- Đối với Chủ hộ bị thu hồi đất và các gia đình đủ điều kiện tách hộ thì được giao mỗi hộ một (01) lô đất. Đối với các hộ có chung quyền sử dụng đất thì mỗi hộ được giao một (01) lô đất.

- Diện tích các lô đất được giao tại khu tái định cư không lớn hơn hạn mức giao đất ở của địa phương. Trường hợp cần thiết quy hoạch chia lô đất tại khu tái định cư lớn hơn hạn mức giao đất ở của địa phương do UBND cấp huyện đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Đối với hộ đủ điều kiện tách hộ phải đảm bảo đủ các điều kiện sau thì được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư:

+ Vợ hoặc chồng phải có tên trong sổ hộ khẩu thường trú tại địa chỉ căn nhà có thửa đất ở bị thu hồi và đăng ký kết hôn trước khi có Thông báo thu hồi đất; Con đã thành niên hoặc anh, chị em ruột đang sinh sống trong hộ gia đình bị thu hồi đất ở đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú;

+ Không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi.

b) Đối với trường hợp chỉ thu hồi một phần diện tích đất ở với diện tích đất ở bị thu hồi tối thiểu bằng hạn mức giao đất ở tại địa phương và bình quân diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi thu hồi so với số hộ gia đình đủ điều kiện tách hộ nhỏ hơn hạn mức giao đất ở của địa phương, nếu các hộ có nhu cầu thì được bồi thường bằng đất ở có thu tiền sử dụng đất tại các vị trí quy hoạch đất ở (ngoài khu tái định cư) như sau:

- Số hộ được giao đất (mỗi hộ một lô đất ở) là các hộ đủ các điều kiện tách hộ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, sau khi trừ đi số hộ được tách hộ trên phần diện tích đất còn lại chưa thu hồi đủ điều kiện về diện tích theo hạn mức giao đất ở của địa phương;

- Diện tích giao mỗi lô đất không lớn hơn hạn mức giao đất ở của địa phương. Tổng diện tích tất cả các lô đất ở giao cho Chủ hộ và các hộ gia đình (sau khi được tách hộ) tại nơi quy hoạch đất ở mới không vượt quá diện tích đất ở bị nhà nước thu hồi của Chủ hộ bị thu hồi đất.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở được quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì giao UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở của địa phương để xem xét, quyết định giao một (01) lô đất ở có thu tiền sử dụng đất, không qua đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích giao không lớn hơn hạn mức giao đất ở của địa phương.

Trường hợp địa phương không có quỹ đất ở thì giao UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ nhà ở xã hội, nhà tái định cư (nếu có) của địa phương để xem xét, quyết định để bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở (bao gồm cả giá bán và giá cho thuê nhà) cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

4. Trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong đó:

a) Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận đất ở, nhà ở tái định cư theo Quy định này mà số tiền được bồi thường về đất ít hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Quyết định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền hỗ trợ tương đương với khoản chênh lệch đó;

b) Về hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở, đủ điều kiện để bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng tính cho mỗi lô đất được giao tại khu tái định cư tập trung của dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt (trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại Điểm a, Khoản này).

Trường hợp khác do UBND huyện đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Các hộ gia đình, cá nhân được giao đất theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật (nếu có).

6. Việc hỗ trợ tái định cư bằng nhà ở do UBND tỉnh quy định đối với từng dự án cụ thể.

7. Xử lý đối với các trường hợp các hộ dân bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất vườn ao có diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích được giao đất tái định cư:

Các hộ dân có diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn tổng diện tích các lô đất ở được giao đất tái định cư, nếu các hộ dân có nhu cầu và quỹ đất ở của các địa phương cấp huyện đáp ứng được thì UBND cấp huyện xem xét, bố trí giao thêm các lô đất ở có thu tiền sử dụng đất, không qua đấu giá quyền sử dụng đất tại nơi quy hoạch đất ở (ngoài các khu tái định cư) nhưng tổng diện tích các lô đất ở được giao đất (kể cả các lô đất được giao tái định cư theo Khoản 1, Khoản 2 Điều này và các lô đất giao thêm) không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi của từng hộ.

Trường hợp không thể bố trí giao thêm đất ở tại nơi quy hoạch đất ở (ngoài các khu tái định cư) cho các hộ, nếu quỹ đất tái định cư của địa phương đáp ứng được cho tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn thì UBND cấp huyện xem xét bố trí giao thêm các lô đất ở có thu tiền sử dụng đất, không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho các hộ tại khu tái định cư dự án nhưng diện tích đất ở được giao đất (kể cả các lô đất được giao tại khu tái định cư theo Khoản 1, Khoản 2 Điều này và các lô đất giao thêm) không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi của từng hộ;

8. Giá đất bồi thường khi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân và giá đất tái định cư, giá đất các lô đất ở giao thêm có thu tiền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Giá đất bồi thường tại nơi thu hồi đất; giá đất các lô đất tại khu tái định cư và các lô đất giao thêm (theo Điểm b Khoản 2 và Khoản 7 Điều này) được xác định

theo giá cụ thể từng thửa đất bị thu hồi và từng lô đất giao cho hộ gia đình, cá nhân; đảm bảo phù hợp với giá đất thị trường.

- UBND cấp huyện xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá cụ thể từng thửa đất bị thu hồi và từng lô đất giao cho các hộ gia đình, cá nhân theo sự ủy quyền của UBND tỉnh có hiệu lực thực hiện tại thời điểm thu hồi đất, giao đất và phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể này.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8: Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất

Được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Khoản 20 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 10/2018/TT-BTC, trong đó: Trường hợp đã có giấy chứng nhận, nhưng trong giấy chứng nhận có thể hiện một phần diện tích (phần gạch chéo) hoặc ghi rõ chưa (hoặc không) được cấp giấy chứng nhận thì phần diện tích này được xác định lại nguồn gốc, thời gian sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thực hiện bồi thường về đất theo Quy định này”.

5. Bổ sung Khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Bồi thường đối với cây trồng và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không: Được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện. Việc bồi thường tại khoản này được thực hiện một lần đối với loại cây theo đơn giá do UBND tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường và không được trồng lại”.

6. Sửa đổi Khoản 2, Điểm b Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 15 như sau:

“2. Trường hợp bị phá dỡ một phần, nhưng phần còn lại không sử dụng được hoặc có sử dụng được nhưng diện tích đất ở còn lại không đủ theo quy định và nằm trong hành lang bảo vệ công trình thì được bồi thường toàn bộ công trình theo quy định khi Chủ hộ có văn bản đề nghị và cam kết thời gian giải tỏa công trình bàn giao mặt bằng”.

4.....

“b) Nếu hộ gia đình, cá nhân không dịch chuyển nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt ra khỏi hành lang bảo vệ công trình, nhưng mặt bằng công trình có độ chênh cao hơn hoặc thấp hơn từ 2m trở lên so với mặt bằng khu đất xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt hoặc do sau khi thi công công trình gây ngập úng cục bộ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của hộ gia đình thì được xem xét có chính sách hỗ trợ.

Giao Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể”.

“5. Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày 1/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định thực hiện như sau:

- Trường hợp tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố và cấm mốc hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ 80% mức bồi thường theo quy định;

- Trường hợp tại thời điểm xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố và cấm mốc nhưng không bị cơ quan có thẩm quyền thông báo đình chỉ thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị bồi thường theo quy định.

6. Nhà, công trình khác xây dựng từ ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định thì không được bồi thường, hỗ trợ”

7. Sửa đổi, bổ sung căn cứ thực hiện tại Điều 22 như sau:

“Được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP trong đó:

1. Hình thức hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất (trừ diện tích đất nông nghiệp là đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở nhưng không được công nhận là đất ở đã được hỗ trợ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 quy định này).

2. Diện tích đất được hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định của Luật Đất đai”.

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, đất ao cùng thửa với đất ở, gắn liền với đất ở nhưng không được công nhận là đất ở thì ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp cụ thể do UBND tỉnh quyết định, còn được hỗ trợ 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở cụ thể với số tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp cụ thể tại thời điểm thu hồi đất.

Đối với phần diện tích còn lại của thửa đất (nếu có) thì được hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp được quy định tại Điều 23 của Quy định này”.

10. Sửa đổi Điều 29 như sau:**“Điều 29. Về suất tái định cư tối thiểu**

Được thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai và Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong đó:

1. Về diện tích: Tại địa bàn các Phường của thành phố Vinh là 50 m²; các địa bàn còn lại là 80 m².

2. Giá đất là giá cụ thể để thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do UBND cấp huyện quyết định theo uỷ quyền của UBND tỉnh có hiệu lực thực hiện tại thời điểm giao đất.

3. Suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền:

Bằng diện tích suất tái định cư quy định tại Khoản 1 Điều này nhân (x) với giá đất khu tái định cư của dự án được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này”.

11. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 30 như sau:

“a) Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện trước khi thực hiện Thông báo thu hồi đất (trường hợp chưa có Trung tâm phát triển quỹ đất).

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm:

- Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Chủ đầu tư - Ủy viên thường trực;
- Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện - Ủy viên;
- Đại diện Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị - Ủy viên”

12. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 31 như sau:

“b) Lập tờ trình, kèm theo hồ sơ nộp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định giá đất cụ thể để trình Hội đồng thẩm định giá đất cấp huyện xem xét, trình UBND cấp huyện quyết định theo uỷ quyền của UBND tỉnh”.

13. Bổ sung Điểm h vào Khoản 5, sửa đổi Khoản 6 và Khoản 7, sửa đổi Điểm c Khoản 15 Điều 34 như sau:

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thị xã.

h) Xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh”.

“6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập; phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan giải quyết những vướng mắc về đất đai;

b) Hướng dẫn, đơn đốc UBND cấp huyện tổ chức giao đất, cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân tại khu tái định cư;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, hoàn chỉnh các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng theo quy định đối với tổ chức phải di chuyển đến địa điểm mới do bị thu hồi đất;

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện quy định này.

7. Sở Tài chính.

a) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng đơn giá và hướng dẫn thực hiện bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên đất có mặt nước và mồ mả; phối hợp với UBND cấp huyện, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi trên đất có mặt nước;

b) Phối hợp với các ngành liên quan giải quyết vướng mắc trong xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại; chính sách hỗ trợ; công tác tái định cư;

c) Chịu trách nhiệm thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập về các nội dung: bồi thường, hỗ trợ đối với cây cối, hoa màu và vật nuôi trên đất có mặt nước; chi phí đầu tư vào đất còn lại và chính sách hỗ trợ; kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Chủ trì thẩm định giá đất ở giao cho các hộ dân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh để Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh xem xét, trình UBND tỉnh Quyết định”

15. Xử lý một số vấn đề phát sinh trước ngày quy định này có hiệu lực :

“c) Đối với trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất và tổ chức họp dân, công bố công khai các nội dung theo Quy định tại khoản 2 Điều 31 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quy định này. Nếu giá trị bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định này mà thấp hơn quy định tại Quyết định 58/2015/QĐ-UBND thì cho phép thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Quyết định 58/2015/QĐ-UBND”;

Điều 2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 12

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp.

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đinh Viết Hồng